TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 203/2018/DS-ST
Ngày: 24/4/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Vinh
2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 495/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49//2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V
Địa chỉ: A, phường B, quận Đ, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 – địa chỉ: A đường B, phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – văn bản ủy quyền số 2563/2017/UQ-VPB ngày 22/6/2017 (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977.
Địa chỉ: A đường B, khu phố C, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 15/7/2013 ông Nguyễn Văn T và Ngân hàng thương mại cổ phần V ký với nhau hợp đồng tín dụng số HCM/13/2452/HĐTD/UPL, theo hợp đồng đã ký kết thì Ngân hàng cho ông T vay số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 19%/năm, thời hạn vay là 24 tháng từ ngày 15/7/2013 đến ngày 15/7/2015, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân. Thực hiện hợp đồng vay ông T đã trả nợ gốc cho Ngân hàng được số tiền gốc là 12.022.491 đồng và tiền lãi được số tiền là 5.938.509 đồng (tổng cộng số tiền gốc và lãi là 17.961.000 đồng) và ngưng không thực hiện kể từ ngày 11/6/2014.

Vào ngày 12/7/2013 Ngân hàng thương mại cổ phần V cấp cho ông Nguyễn Văn T thẻ tín dụng số 324-P-469340, theo đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VPBANK ngày 03/7/2013 của ông T; theo đơn đề nghị và hợp đồng đã ký kết thì Ngân hàng đã cấp hạn mức thẻ tín dụng cho ông T với số tiền 20.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng vay Ngân hàng đã chuyển tiền vào thẻ cho ông T, ông T đã thực hiện việc rút tiền từ thẻ của Ngân hàng cung cấp nhưng không thực hiện việc trả nợ.

Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, nhưng ông T vẫn không thực hiện; vì vậy Ngân hàng đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V các khoản tiền cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng tín dụng số HCM/13/2452/HDTD/UPL ngày 15/7/2013 với số tiền gốc là 27.977.509 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/7/2013 đến ngày 24/4/2018 là 32.311.727 đồng; tổng cộng số tiền là 60.289.236 đồng.

Đối với thẻ tín dụng số 324-P-469340 ngày 12/7/2013 với số tiền gốc là 20.000.000 đồng phí dịch vụ thẻ là 469.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/7/2013 đến ngày 24/24/2018 là 37.868.924; tổng cộng số tiền là 58.337.924 đồng. Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/4/2018 đối với hai hợp đồng là 118.627.160 đồng. Kể từ ngày 25/4/2018 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông T thực hiện việc thanh toán nợ xong cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành triệu tập ông T đến tòa để giải quyết việc kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V nhưng ông T không đến; Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo quy định của pháp luật, nhưng ông T vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do, nên mở phiên tòa xét xử vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có: Hợp đồng tín dụng số HCM/13/2452/HDTD/UPL ngày 15/7/2013; đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VPBANK ngày 03/7/2013; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã doanh nghiệp 0100233583; điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần V; văn bản ủy quyền số 04/2017/UQ-HĐQT ngày 18/01/2017; văn bản ủy quyền số 2563/2017/UQ-VPB ngày 22/6/2017; phiếu xác minh ngày 07/11/2017.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh; các nội dung đương sự đã thỏa thuận thống nhất được và không thống nhất được do ông T vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, cũng như làm rỏ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

{1}. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn T cư trú tại địa chỉ số A đường B, khu phố C, phường B, quận T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

{2}. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 22/6/2017 và tài liệu, chứng cứ kèm theo của Ngân hàng thương mại cổ phần V, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng dân sự về hợp đồng vay tài sản được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

{3}. Về thủ tục tố tụng:

{3.1}. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T tham gia tố tụng và được Tòa án chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

3.2. Bị đơn ông Nguyễn Văn T, sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án số 495/TB-TLVA ngày 03/11/2017 cho ông T nhưng hết thời hạn được quy định tại Điều 174 và Điều 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ông T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án tiếp tục triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T vào các ngày 20/12/2017 và 12/01/2018, nhưng ông T vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm trả việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không hòa giải và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ cho ông T biết theo quy định tại Khoản 1 Điều 207, Khoản 2 Điều 208 và Khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đồng thời triệu tập ông T tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 phút, ngày 29/3/2018 nhưng ông T vẫn không đến tòa tham gia xét xử vụ án. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay (24/4/2018), nhưng ông T vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp, được pháp luật quy định tại Điều 227, Điều 233 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

{4}. Về yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số HCM/13/2452/HDTD/UPL ngày 15/7/2013 có nội dung "…Ngân hàng cho ông T vay số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 19%/năm, thời hạn vay là 24 tháng từ ngày 15/7/2013 đến ngày 15/7/2015…".

Căn cứ đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VPBANK ngày 03/7/2013 của ông T có nội dung "… ông T đề nghị Ngân hàng cung cấp thẻ có hạn mức là 20.000.000 đồng….."; như vậy việc vay nợ giữa Ngân hàng và ông T là có thật, sự thỏa thuận các nội dung của đương sự trong hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Sau khi vay đối với đồng tín dụng số HCM/13/2452/HDTD/UPL ngày 15/7/2013 ông T đã thanh toán cho Ngân hàng được 12.022.491 đồng tiền gốc và tiền lãi được số tiền là 5.938.509 đồng (tổng cộng số tiền gốc và lãi là 17.961.000 đồng) và ngưng không thực hiện kể từ ngày 11/6/2014 và ngưng không thực hiện chop đến nay; đối với thẻ tín dụng 324-P-469340 ngày 12/7/2013 ông T chưa thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng được khoản nào. Do đó lỗi vi phạp hợp đồng vay thuộc về ông T, kéo dài thời gian trả nợ làm

ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì việc đòi nợ của Ngân hàng là có căn cứ.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: 5.931.358 đồng ông Nguyễn Văn T phải chịu; Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 305, Điều 471 và Điều 476 của Bộ Luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm tính là 118.627.160 đồng; trong đó đối với hợp đồng tín dụng số HCM/13/2452/HDTD/UPL ngày 15/7/2013 với số tiền gốc là 27.977.509 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/7/2013 đến ngày 24/4/2018 là 32.311.727 đồng, tổng cộng số tiền là 60.289.236 đồng và đối với thẻ tín dụng số 324-P-469340 ngày 12/7/2013 với số tiền gốc là 20.000.000 đồng phí dịch vụ thẻ là 469.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/7/2013 đến ngày 24/24/2018 là 37.868.924, tổng cộng số tiền là 58.337.924 đồng.

Kể từ ngày 25/4/2018 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông T thực hiện việc thanh toán nợ xong cho Ngân hàng

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 5.931.358 (Năm triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi tám) đồng ông Nguyễn Văn T phải chịu; hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 2.612.881 (Hai triệu sáu trăm mười hai nghìn tám trăm tám mươi mốt) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0037448 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1. Quyền kháng cáo, Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

3.2. Quyền kháng nghị, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu Thi hành án: "Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự Q. Thủ Đức; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (1)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (2)

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Công Tình